

Bản án số: 254/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-03-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Tuấn
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 636/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy L – sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 12 đường P, phường M, Huyện X, tỉnh An Giang

Địa chỉ tạm trú: 38/26 đường C (số mới 78/22K đường R), Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:* Luật sư Đinh Bá Tr, Công ty Luật TNHH MTV DB (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Yang Sheng Y – sinh năm 1959

Địa chỉ tạm trú: 78/29 đường C, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/3/2022 ông Yang Sheng Y có Đơn xin vắng mặt.

*Người phiên dịch của ông Yang Sheng Y: Ông Lin Vĩ T – sinh năm 1977*

Địa chỉ: 800 đường N, Phường G, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 27/11/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn bà Trần Thúy L trình bày:* Bà và ông Yang Sheng Y chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay, bà cũng biết nam nữ đã trưởng thành chung sống với nhau thì phải đăng ký kết hôn, do bận công việc nên bà và ông Y không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Bình không công nhận bà và ông Y là vợ chồng.

Về con chung: Có 2 con chung là Dương Trần Mẫn L1 – sinh ngày 28/5/2007 và Dương Trần Mẫn T1 – sinh ngày 03/03/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn – ông Yang Sheng Y trình bày:* Ông và bà Trần Thúy L chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay, ông cũng biết quy định của pháp luật Việt Nam là nam nữ đã trưởng thành chung sống với nhau thì phải đăng ký kết hôn, do bận công việc nên ông và bà L không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có mâu thuẫn nên ông đồng ý yêu cầu của bà L là yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Bình không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Có 2 con chung là Dương Trần Mẫn L1 – sinh ngày 28/5/2007 và Dương Trần Mẫn T1 – sinh ngày 03/03/2012. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Yang Sheng Y vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:* Bà L và ông Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do bận công việc. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà L và ông Y là vợ chồng. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 5.000.000đ/tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung không có.

*Ý kiến của bà L:* Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên bà và ông Y thường xuyên cãi nhau, bà mong Tòa án chấp nhận yêu cầu để ổn định cuộc sống.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thúy L khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Yang Sheng Y do ông Y hiện đang cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà L có mặt; Bị đơn - ông Y có đơn xin vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Y theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà Linh và ông Y là vợ chồng.

Nhận thấy: Bà L và ông Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà L và ông Y là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm ông Y, bà L chung sống với nhau cả hai đều đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Điều 8 Luật hôn nhân và

gia đình, nhưng cho đến nay cả hai không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Y.

[5] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số: 261/TLKS-BS và 105/TLKS-BS ngày 09/01/2020 của UBND phường M, thành phố X, tỉnh An Giang thì cháu Dương Trần Mẫn L1 – sinh ngày 28/05/2007 và Dương Trần Mẫn T1 – sinh ngày 03/03/2012 là con chung của ông Yang Sheng Y và bà Trần Thúy L.

Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Xét thấy: Hai cháu Mẫn T1, Mẫn L1 là cháu gái, hiện do bà L đang trực tiếp chăm sóc, ông Y cũng đồng ý giao hai con chung cho bà L nuôi dưỡng và nguyện vọng của hai cháu là muốn được ở chung với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cháu Mẫn T1, Mẫn L1 cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 5.000.000đ/tháng.

Xét thấy: Bà L yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 5.000.000đ/tháng. Ông Y đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này của bà L, ông Y. Buộc ông Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Mẫn T1, Mẫn L1 mỗi cháu 5.000.000đ/tháng, thực hiện từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu Mẫn T1, Mẫn L1 lần lượt thành niên.

[7] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án ông Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà L trình bày không có, quá trình giải quyết vụ án ông Y xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 bà L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 8; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58,59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Trần Thúy Linh.

a. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thúy L và ông Yang Sheng Y là vợ chồng.

b. Về quan hệ con chung: Giao cháu Dương Trần Mẫn L1 – sinh ngày 28/5/2007 và Dương Trần Mẫn T1 – sinh ngày 03/03/2012 cho bà Trần Thúy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng ông Yang Sheng Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Dương Trần Mẫn T1, Dương Trần Mẫn L1 mỗi cháu 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thực hiện từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu Dương Trần Mẫn T1, Dương Trần Mẫn L1 lần lượt thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung: Bà Trần Thúy L và ông Yang Sheng Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thúy L chịu, được cản trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn

đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thúy L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0030703 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Kể từ ngày bà Trần Thúy L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Yang Sheng Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thúy L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Yang Sheng Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Hương**